TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/DS-PT
Ngày 15 tháng 8 năm 2017
V/v "Tranh chấp tài sản bị cưỡng chế thi hành án"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Tiến
Các Thẩm phán: Ông: Vũ Anh Tuấn
Bà: Phùng Thị Ái Nguyên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/DS-PT ngày 10/7/2017 về "Tranh chấp tài sản bị cưỡng chế thi hành án".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXX-PT ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Thị trấn Thanh Ba, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Quang C - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ (Văn bản uỷ quyền ngày 07/10/2016).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đỗ Quốc B - Sinh năm 1952

2.2. Bà Trần Thị T - Sinh năm 1954

Đều có địa chỉ: Khu 10, thị trấn Thanh Ba, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vi Văn H - Sinh năm 1953

3.2. Bà Trần Thị L - Sinh năm 1953

Đều có địa chỉ: Khu 18, xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Hiện tạm trú tại: Khu 7, xã Khải Xuân, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Ông Đỗ Quốc B – Là bị đơn. Bà Trần Thị L – Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

(Ông C, ông B, bà T, ông H, bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T và trong quá trình tố tụng tại Toà án người đại diện theo uỷ quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T là ông Phạm Quang C trình bày: Được sự phân công của đơn vị, hiện nay ông đang tổ chức thi hành bản án số 83/2014/DS-ST ngày 26/11/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ và Quyết định thi hành án số: 26/QĐ-CCTHA ngày 28/01/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T đối với: Nguyên đơn: bà Phan Thị Kim Lý, trú tại khu 10, thị trấn Thanh ba, huyện T. Bị đơn: Bà Trần Thị T, trú tại khu 10, thị trấn Thanh Ba, huyện T. Theo các Quyết định trên thì bà Thọ phải trả cho bà Phan Thị Kim Lý 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền vay nợ và 14.600.000đ tiền thuê xe taxi. Tổng 214.600.000đ (Hai trăm mười bốn triệu đồng sáu trăm nghìn đồng); 10.700.000đ tiền án phí và tiền lãi chậm trả tại thời điểm thi hành án. Quá trình thi hành án bà Thọ cung cấp bà Thọ có một nhà cấp 4 và thửa đất 2.585,1m^2 tại khu 10, thị trấn Thanh Ba, bà đã thế chấp cho ngân hàng để vay vốn cho Công ty chè Minh Phát nhưng do Công ty chè không trả được nợ nên ngày 22/4/2013 ông Bảo, bà Thọ đã có đơn xin tự bán tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phú Thọ đã đồng ý theo đơn. Ngày 25/4/2013 ông Bảo, bà Thọ đã làm hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất trên cho ông Vi Văn H và bà Trần Thị L. Hợp đồng không có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền và một bản sao giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TX Phú Thọ ngày 26/4/2013 thể hiện bà Trần Thị L nộp tiền vào tài khoản của Công ty chè Minh Phát tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TX Phú Thọ với số tiền là 253.000.000đ. Ngày 14/4/2015 bà Thọ cung cấp cho Chấp hành viên một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 13/4/2015 giữa ông Bảo, bà Thọ với ông Hiền, bà Lư đối với ngôi nhà cấp 4 và thửa đất 2.585,1m^2 tại khu 10, thị trấn Thanh Ba nêu trên. Hợp đồng đã làm thủ tục công chứng tại Phòng công chứng nhà nước số 2, tỉnh Phú Thọ. Chấp hành viên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án, kết quả ngoài ngôi nhà và thửa đất này, ông Bảo, bà Thọ không còn tài sản nào khác. Chấp hành viên đã thông báo cho ông Bảo, bà Thọ, ông Hiền, bà Lư có quyền khởi kiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng hai bên đều không khởi kiện. Để đảm bảo quyền lợi của các bên, ngày 18/3/2015 Chấp hành viên ra Quyết định kê biên tài sản và trực tiếp thông báo cho ông Hiền, bà Lư biết về quyền khởi kiện tại Toà án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 75

Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, nhưng bà Thọ, ông Hiền, bà Lư không khởi kiện mà có đơn khiếu nại việc kê biên.

Căn cứ Điều 75 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 và Điều 6 Thông tư 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 về việc Chấp hành viên có thẩm quyền khởi kiện tại Toà án. Do đó Chấp hành viên trực tiếp giải quyết vụ việc làm đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện T yêu cầu: Xác định việc mua bán trên có đúng theo quy định của pháp luật không và tài sản trên hiện nay thuộc quyền sở hữu của ai để làm căn cứ giải quyết.

Bà Trần Thị T, ông Đỗ Quốc B trình bày: Trước đây ông bà có tài sản là nhà, đất tại khu 10, thị trấn Thanh Ba, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO 1498 ngày 30/7/2004 gồm thửa số 49 và 179. Do gia đình kinh doanh nên ông bà đã thế chấp toàn bộ để vay vốn tại Ngân hàng công thương thị xã Phú Thọ. Khi đến hạn trả nợ, do không trả được và được sự đồng ý của ngân hàng ông bà đã bán toàn bộ tài sản thế chấp cho ông Hiền, bà Lư. Ông Hiền, bà Lư đã chuyển số tiền 253.000.000đ đồng trả vào tài khoản của Công ty chè Minh Phát của ông bà để ông bà trả nợ khoản vay của ngân hàng. Tuy hợp đồng chỉ ký kết giữa hai bên nhưng tiền đã nhận đủ, nhà, đất đã bàn giao xong, là tài sản hợp pháp của ông Hiền, bà Lư. Hiện nay đang làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ông Vi Văn H, bà Trần Thị L trình bày: Ông bà xác nhận có việc mua bán nhà, đất với vợ chồng ông Bảo, bà Thọ như ông Bảo, bà Thọ trình bày là đúng. Ông bà đã trả đủ tiền và đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc mua bán chuyển nhượng đã xong. Ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/ DS-ST ngày 31/5/2017, Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng Điều 75 Luật thi hành án dân sự; khoản 5 Điều 93 Luật nhà ở; khoản 2 Điều 122, Điều 127; khoản 2 Điều 689 và Điều 692 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT –BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộluật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án 2009.

*Xử: Tuyên bố "Hợp đồng mua bán nhà ở" lập ngày 25/4/2013 và "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" đã được công chứng ngày 13/4/2015 giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Đỗ Quốc B và vợ chồng ông Vi Văn H, bà Trần Thị L bị vô hiệu.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2017 ông Đỗ Quốc B kháng cáo bản án. Nội dung:

1. Ông không dính líu đến việc của Thi hành án Thanh Ba, nhưng Toà án vẫn cứ ép ông vào xét xử là điều phi lý.

2. Ông là chủ hộ, bìa đỏ đứng tên ông, việc ông bán nhà xảy ra từ 25/4/2013 để trả nợ cho Nhà nước là đúng pháp luật, có căn cứ và người làm chứng. Đồng thời có hợp đồng dân sự có công chứng của Nhà nước đúng với Bộ luật dân sự. Việc Toà án xử vô hiệu là không đúng pháp luật.

3. Khi thi hành án thực hiện thi hành án đối với bà Thọ và ông Hiền, bà Lư đã có nhiều đơn kiện nhưng không có văn bản nào trả lời họ, nhưng bản án lại nêu các bên không thực hiện quyền khởi kiện là không đúng sự thật.

4. Bà Thọ không được nhận bản án. Như vậy bà Thọ không phải thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm thi hành án. Toà án đã làm sai luật, cơ quan thi hành án bắt bà Thọ phải thi hành án là sai luật, nay lại kéo cả ông vào để kiện là sai luật.

5. Quá trình tố tụng của phiên toà ngày 31/5/2017, toà án mới gửi 01 giấy báo mà đã đơn phương xử vắng mặt đương sự là sai.

Đề nghị huỷ bỏ Bản án số: 02/2017/DS-ST ngày 31/5/2017 của Toà án huyện T. Xem xét giải quyết lại theo đúng pháp luật. Công nhận việc mua bán nhà cửa của ông bà với ông bà Hiền Lư là đúng pháp luật. Triệu tập người làm chứng, công bố tất cả chứng cứ pháp lý, đồng thời tranh tụng trực tiếp.

Ngày 27/6/2017 bà Trần Thị L kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm vì lý do: Hợp đồng mua bán nhà ở giữa vợ chồng bà và ông bà Thọ Bảo từ năm 2013 trước thời điểm phát sinh việc kê biên tài sản. Quá trình thực hiện do có một số vướng mắc như xoá đăng ký thế chấp, các yêu cầu về làm thủ tục pháp lý khác nên tháng 4/2015 hai bên mới làm hợp đồng chuyển nhượng và công chứng. Vì vậy, bản án cho rằng việc ký kết hợp đồng nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án là không đúng bởi giao dịch từ năm 2013 có sự chứng kiến, đồng ý của Ngân hàng Công thương. Hợp đồng chuyển nhượng vào tháng 4/2015 chỉ là hợp thức cho việc mua bán để hoàn tất thủ tục pháp lý làm thủ tục cho việc mua bán từ năm 2013.

Ngày 30/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị bản án, nội dung:

Thứ nhất: Bản án tuyên "Hợp đồng mua bán nhà ở" lập ngày 25/4/2013 và " Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" đã được công chứng ngày 13/4/2015 giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Đỗ Quốc B với vợ chồng bà Trần Thị L, ông Vi Văn H vô hiệu là không phù hợp với các quy định của pháp luật.

Thứ hai: Bản án tuyên hợp đồng vô hiệu xong không giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là không giải quyết triệt để vụ án. Toà án đã tách phần này ra là không đúng quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Bảo, bà Lư giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án: Theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự : Trường hợp hết thời hạn 15 ngày mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì "Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.". Như vậy, theo quy định trên thì Chấp hành viên mới có quyền khởi kiện yêu cầu xác định phần quyền sở hữu của bà Thọ trong khối tài sản chung của vợ chồng. Tòa án sơ thẩm đã không yêu cầu đương sự viết lại đơn khởi kiện cho đúng để xác định đúng tư cách nguyên đơn. Tuy nhiên, chấp hành viên Phạm Quang C là người ký tên trên đơn khởi kiện và tham gia suốt quá trình tố tụng, do vậy, bản án sơ thẩm giải quyết vẫn đảm bảo được các quyền và nghĩa vụ cho chấp hành viên. Mặt khác, tài sản tranh chấp hiện nay đã bị cơ quan thi hành án kê biên để thi hành án, do vậy việc xác định khối tài sản này thuộc quyền sở hữu của ai cũng như kỷ phần của bà Thọ - người phải thi hành án - trong khối tài sản đó là cần thiết. Do vậy, để tránh việc Tòa án sơ thẩm phải giải quyết lại vụ án, Kiểm sát viên thấy rằng không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, xong phải sửa án, xác định lại nguyên đơn là Chấp hành viên Phạm Quang C. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và một phần kháng cáo: Sửa bản án sơ thẩm, xác định nguyên đơn là chấp hành viên; xác nhận vợ chồng bà Trần Thị L, ông Vi Văn H có quyền quản lý, sử dụng đối với nhà đất đã chuyển nhượng. Vợ chồng bà Lư, ông Hiền có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

Khoản 4 Điều 187 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định: "Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự

để yêu cầu Toà án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật".

Điều 74 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự quy định:

"1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Điều 75 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự quy định:

"1. Trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp về quyền của họ được khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì việc xử lý tài sản được thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì Chấp hành viên xử lý tài sản để thi hành án theo quy định của Luật này.

2. Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được

thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó".

Khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự quy định:

"1. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự".

Như vậy, theo các quy định trên thì quyền yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung là của đương sự, người có tranh chấp, người được thi hành án, chấp hành viên. Quyền yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch vô hiệu là của người được thi hành án; quyền có văn bản yêu cầu toà án tuyên bố giao dịch vô hiệu là của Chấp hành viên. Toà án cấp sơ thẩm phải trả lại đơn khởi kiện cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; trường hợp đã thụ lý thì phải đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Mặt khác, ngày 07/10/2016 chấp hành viên Phạm Quang C mới được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ uỷ quyền là người đại diện của Chi cục tham gia tố tụng, nhưng trước đó ngày 05/10/2016 đã ký đơn khởi kiện với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ là không hợp pháp. Hồ sơ vụ án không có tài liệu cho thấy Chấp hành viên đã thông báo cho bà Phan Thị Kim Lý là người được thi hành án để bà Lý thực hiện quyền yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 74, Điều 75 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Vì vậy, Bản án dân sự thẩm thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 31/5/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phải huỷ và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, kháng cáo của ông Đỗ Quốc B, bà Trần Thị L. Xét thấy: Nội dung kháng cáo, nội dung kháng nghị về việc cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng mua bán nhà ở ngày 25/4/2013, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng ngày 13/4/2015 giữa bà Thọ, ông Bảo với ông Hiền, bà Lư vô hiệu không phù hợp với quy định của pháp luật là có cơ sở. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự buộc phải huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét cụ thể nội dung kháng cáo, kháng nghị nêu trên và các nội dung kháng cáo, kháng nghị khác.

[3] Về án phí: Do bản án bị huỷ và đình chỉ giải quyết vụ án nên ông Đỗ Quốc B, bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Bảo, bà Lư đã nộp sẽ được hoàn trả lại cho ông Bảo, bà Lư.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1/Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 31/5/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ và đình chỉ giải quyết vụ án.

2/Về án phí: Ông Đỗ Quốc B, bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bảo 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Lư 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0003917 và số 0003916 cùng ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND T.Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Việt Tiến